HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ **ĐOÀN GIÁM SÁT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 430 /BC-HĐND	*Chư Sê, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

BÁO CÁO

Kết quả việc giám sát thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016 – 2020

Căn cứ Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện về Chương trình giám sát của HĐND huyện năm 2023. Thực hiện Kế hoạch số 351/KH-ĐGS ngày 14/3/2023 của Đoàn Giám sát HĐND huyện về giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016 – 2020.

Trên cơ sở kết quả giám sát trực tiếp tại UBND huyện, UBND xã Chư Pơng và qua xem xét nội dung các báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về. Đoàn giám sát của HĐND huyện tổng hợp và báo cáo kết quả giám sát cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Huyện Chư Sê nằm phía Nam tỉnh Gia Lai có điều kiện tự nhiên và giao thông thuận lợi với Quốc lộ 14, 25 đi qua. Phía Đông và Đông Nam giáp với huyện Mang Yang và huyện Ia Pa; Phía Tây giáp với huyện Chư Prông; Phía Nam giáp với huyện Chư Pưh và Phú Thiện; Phía Bắc giáp với huyện Đak Đoa và Chư Prông. toàn huyện có 15 xã, thị trấn với 126 thôn, làng, tổ dân phố. Là huyện có kinh tế phát triển, có tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế.

Với tổng diện tích tự nhiên: 64.103,51 ha, Trong đó: đất nông nghiệp 54.759,14 ha (chiếm 85,42%); đất phi nông nghiệp 7.091,99 ha (chiếm 11,06%); đất chưa sử dụng 2.252,38 ha (chiếm 3,51%).

Dân số: có 117.025 người (trong đó Nam 58.014 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 49.57%. Nữ 59.011 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 50,42%), trong đó dân tộc thiểu số chiếm 46,57%. Mật độ dân số trung bình là: 182 người/km^2. Cơ cấu dân số theo khu vực dân cư: Thành thị 30.062 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 25.68%. Nông thôn 86.961 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 74.31 %. Dân số trong độ tuổi lao động 63.751 người, chiếm tỉ lệ 54,47% dân số của toàn huyện.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện

1.1. Đối với UBND huyện:

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013

của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chương trình hành động của thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" theo Quyết định số 899/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/8/2015 của Đại hội Đại biểu lần thứ IX Đảng bộ huyện Chư Sê và các văn bản hướng dẫn của các Sở, ngành có liên quan; UBND huyện Chư Sê đã ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo nhằm thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương, cụ thể:

- Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Chư Sê theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2017-2020".

- Kế hoạch 152/KH-UBND ngày 28/12/2017 về việc thực hiện đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Chư Sê giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch 15/KH-UBND ngày 05/02/2018 về phát triển hợp tác xã kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Chư Sê giai đoạn 2018-2020.

- Ngoài ra, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành và UBND các xã, thị trấn tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của địa phương. Nhất là kịp thời ban hành văn bản số 2172/UBND-NL ngày 28/11/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh. Qua đó cho thấy sự quan tâm của UBND huyện về việc thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện.

1.2. Đối với UBND các xã, thị trấn:

Đã xác định nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, đòi hỏi sự tập trung chỉ đạo và vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Quá đó các địa phương đã tập trung chỉ đạo, lãnh đạo hệ thống chính trị đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tầm quan trọng, sự cần thiết phải thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp trên các phương tiện thông tin; lồng ghép vào các hội nghị của Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội từ xã đến thôn, làng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chất lượng, giá trị; xây dựng, triển khai thực hiện, tổng kết đánh giá mô hình hiệu quả. Qua đó từ hệ thống chính trị xã đến thôn, làng đã có sự chuyển biến về nhận thức; cán bộ, đảng viên, nhân dân đã có tư duy mới, suy nghĩ mới, thay đổi trong sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

2. Kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo từng lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp

Sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đến năm 2020, ngành nông nghiệp chiếm 33,85% trong cơ cấu kinh tế của huyện (cao hơn 1,05% so với kế hoạch và giảm 3,15% so với năm 2015). Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông, lâm, thủy sản đạt bình quân giai đoạn 2016-2020 là 4,99% (đạt 97,3%

so với kế hoạch). Giá trị sản xuất toàn ngành đến năm 2020 đạt 3.870 tỷ đồng, tăng 29,69% so với năm 2015 và đạt 99,5% so với kế hoạch. Trong đó: nông nghiệp tăng bình quân 5,57%/năm (đạt 109,65% kế hoạch); lâm nghiệp tăng bình quân 20,04%/năm (vượt 339,47% kế hoạch); thủy sản tăng bình quân 15,08%/năm (đạt 41% kế hoạch). Cụ thể:

a. Lĩnh vực trồng trọt

- Tổng diện tích gieo trồng năm 2020 là 34.793,2 ha, tăng 17,3% so với năm 2015; tổng sản lượng lương thực năm 2020 là 39.175,96 tăng 11.359,4 tấn so với năm 2015. Năm 2020, giá trị sản xuất trồng trọt trên địa bàn huyện là 2.603 tỷ đồng, chiếm 68,42% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp; tăng 25,2 tỷ đồng so với năm 2015.

- Trong giai đoạn 2016-2020, thực hiện chuyển đổi 4.521,7 ha cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn[1]; trồng tái canh 1.683,31 ha cà phê già cỗi, kém năng suất (đạt 112% kế hoạch tỉnh và 104% kế hoạch huyện) với tổng kinh phí huyện hỗ trợ là 2.462.792.400 đồng.

- Thực hiện Nghị quyết chuyên đề về "Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 trên địa bàn huyện Chư Sê" (Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 18/4/2019 của Huyện ủy Chư Sê); trong những năm qua, huyện tập trung đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, sử dụng các loại giống lai, giống mới đưa vào sản xuất đại trà đã góp phần làm tăng năng suất, sản lượng thu hoạch; mở rộng áp dụng cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nhất là ở các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch đã góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất. Tập trung phát triển các diện tích cây ăn quả, cây dược liệu, trồng dâu nuôi tằm; nâng cao hiệu quả sản xuất bằng việc sử dụng các giống mới cho năng suất cao, sử dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, trồng trong nhà lưới, nhà màng... Đến năm 2020, trên địa bàn huyện có khoảng 1.200 ha cây trồng được ứng dụng công nghệ cao (chiếm 3,5% tổng diện tích gieo trồng).

- Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn huyện đã xây dựng được 8 chuỗi liên kết sản xuất trồng trọt với các đối tượng cây trồng chính như cà phê, hồ tiêu, mắc ca, dược liệu, sầu riêng,… với diện tích 2.188,00 ha được thực hiện giữa các HTX, Công ty Vĩnh Hiệp, Công ty Olam, Công ty Neumann và 1.813 hộ dân tham gia[2].

---

[1] Chuyển đổi 1.374,7 ha hồ tiêu bị chết do ảnh hưởng của mưa lũ, dịch bệnh và già cỗi sang trồng 608 ha cà phê; 303,7 ha bơ;136,1 ha sầu riêng; 55 ha mít, 76,7 ha chanh dây; 92,2 ha cây ăn trái khác; 4,5 ha dược liệu; 98,5 ha cây ngắn ngày và các loại cây trồng khác. Chuyển đổi 600 ha diện tích trồng sắn, hoa màu kém hiệu quả sang trồng mía. Chuyển đổi trồng xen trong các vườn cao su tái canh 2.547 ha các loại cây trồng khác (tính theo diện tích vườn cây): cà phê 865,8 ha; hồ tiêu 200 ha, dỗi 35 ha, cây dược liệu 117 ha; cây ăn quả 497,8 ha; khoai lang 1.025 ha; lúa, ngô, đậu 131,6 ha; chanh leo 43,5 ha; các cây trồng khác 15 ha.

[2] - Chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm từ cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao với HTX nông nghiệp công nghệ cao Quang Minh, diện tích 16,2 ha; HTX đã được công nhận 04 loại cây đạt chứng chỉ GACP bao gồm 7,2 ha đinh lăng, 03 ha đan sâm, 08 ha hà thủ ô đỏ, 10 ha cát cánh.

- Chuỗi liên kết với Công ty Cổ phần dâu tằm tơ Mang Yang trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng dâu, nuôi tằm công nghệ cao với diện tích 70 ha;

- Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hồ tiêu giữa Công ty TNHH Olam với 55 hộ dân, diện tích 43,35 ha.

- Chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nhãn Hương Chi theo chuỗi giá trị do HTX Trường Xuân làm chủ đầu tư , diện tích thực hiện 62,5 ha với 125 hộ dân.

- Chuỗi liên kết trồng mía với Công ty Thành Thành Công, diện tích 600 ha.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

- Năm 2020, giá trị sản xuất chăn nuôi trên địa bàn huyện đạt 640,6 tỷ đồng; chiếm 16,84 % trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, tăng 556,8 tỷ đồng so với năm 2015.

- Trong giai đoạn 2016-2020, ngành chăn nuôi trên địa bàn huyện thực hiện chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài vật nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người trực tiếp chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định; chuyển dịch dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp trên cơ sở tạo điều kiện cho thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển chăn nuôi. Cơ cấu vật nuôi trên địa bàn huyện chủ yếu tập trung vào các loại vật nuôi thông thường như trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt. Chuyển dần cơ sở chăn nuôi từ vùng có mật độ dân số cao (thị trấn) đến nơi có mật độ dân số thấp (vùng sâu, vùng xa), hình thành các vùng chăn nuôi xa khu dân cư; chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm trong đàn vật nuôi. Chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện phát triển cả về số lượng và chất lượng; công tác phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn huyện được tăng cường và đạt được những kết quả tích cực, tạo điều kiện cho đàn gia súc, gia cầm phát triển nâng cao tổng đàn[3].

- Một số dự án phát triển chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao đã được phê duyệt chủ trương đầu tư như: Dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao với quy mô 300 bò thịt, Dự án trang trại chăn nuôi heo CNC của Công ty TNHH MTV Phúc Huy Gia Lai với quy mô 12.000 heo thịt/lứa; Dự án trang trại chăn nuôi vịt giống công nghệ cao của Công ty cổ phần giống công nghệ cao Gia Lai ViNa với diện tích 4,5 ha, quy mô 19.000 con/lứa…

- Công tác phòng chống dịch bệnh: Nhìn chung tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện từ năm 2016-2020 tương đối ổn định. Ngành nông nghiệp huyện đã triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định. Các dịch bệnh cơ bản như: lở mồm long móng, tai xanh, tụ huyết trùng trên gia súc cơ bản được kiểm soát, chỉ xảy ra trên diện hẹp, bệnh được phát hiện sớm, xử lý kịp thời. Tuy nhiên, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên toàn quốc, trong năm 2019 và 2020, trên địa bàn huyện có xảy ra dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi gây thiệt hại đến sản xuất chăn nuôi[4]. Tuy nhiên, UBND huyện đã kịp thời khoanh vùng xử lý, không để lây lan ra diện rộng và triển khai các thủ tục hỗ trợ khắc phục thiệt hại cho các hộ dân đảm bảo đúng quy định.

2.2. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm từ cây mắc ca của Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Ia Ring, diện tích thực hiện 60 ha.
- Chuỗi liên kết trồng thâm canh cây sầu riêng của Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp xã Ia Blang, diện tích 50 ha.
- Chuỗi liên kết sản xuất trồng cà phê theo tiêu chuẩn 4C, UTZ với công ty TNHH Vĩnh Hiệp diện tích 617,6 ha.

[3] Năm 2020, đàn trâu: 515 con (tăng 32,4% so với năm 2015), đàn bò là 27.000 con (tăng 14,8% so với năm 2015), đàn lợn là 46.000 con (tăng 9,3% so với năm 2015). Đàn gia cầm năm 2020 là 99.000 con, tăng 61,8% so với năm 2015. Sản phẩm thịt hơi năm 2020 là 12.598,75 tấn; tăng 1.441,3 tấn so với năm 2015. Năm 2020, trên địa bàn huyện có 04 trang trại quy mô lớn, 14 trang trại quy mô vừa và 57 trang trại quy mô nhỏ, chủ yếu là chăn nuôi bò, lợn, gà.

[4] Năm 2019 05 xã, thị trấn phải công bố Dịch tả lợn Châu Phi, tiêu hủy 349 con lợn với trọng lượng 13.828 kg. Năm 2020, dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại xã Dun với số lượng lợn phải tiêu hủy là 63 con tương đương trọng lượng 2.781 kg.

- Triển khai chương trình trồng rừng tập trung theo Nghị định số 75/2015/ND-CP và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo các đơn vị Hạt Kiểm lâm, BQL rừng phòng hộ và phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch trồng và chăm sóc rừng tập trung. Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn huyện thực hiện trồng được 412,5 ha rừng, trong đó: trồng rừng sản xuất là 203,8 ha; trồng cây phân tán là 208,7 ha.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 27,4%; tăng 3,4% so với năm 2015 và vượt 0,67% so với kế hoạch.

- Năm 2020 thực hiện khoán quản lý bảo vệ được 1.376,09 ha. Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống cháy rừng trong mùa khô, thường xuyên nhắc nhở các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thực hiện tốt các biện pháp phòng chống cháy rừng, duy trì công tác kiểm tra phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp đốt rừng lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép; đề phòng cháy rừng xảy ra gây thiệt hại và ảnh hưởng tới môi trường sinh thái; tiếp tục triển khai tuyên truyền cho các hộ dân đăng ký trồng rừng tập trung và nhận chăm sóc, bảo vệ rừng.

2.3. Lĩnh vực thủy lợi

Đến năm 2020, huyện Chư Sê có tổng số 56 công trình thủy lợi. Trong đó: Số công trình do Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Gia Lai quản lý khai thác (Chi nhánh thủy lợi Chư Sê – Chư Pưh): 07 công trình hồ, đập; Số công trình thủy lợi do Công ty CP cà phê Gia Lai quản lý và khai thác là 01 công trình hồ chứa và 01 trạm bơm. Số công trình do UBND các xã quản lý khai thác là 48 công trình, bao gồm 27 công trình kiên cố và 21 công trình tạm do nhân dân tự ngăn suối, đào kênh để phục vụ tưới tiêu với diện tích nhỏ.

Về năng lực tưới của các công trình:

- Số công trình do Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Gia Lai quản lý khai thác (Chi nhánh thủy lợi Chư Sê – Chư Pưh) có năng lực tưới 263,1 ha lúa, 1.599,3 ha cây công nghiệp và rau màu.

- Số công trình thủy lợi do công ty CP cà phê Gia Lai quản lý có năng lực tưới 411,1 ha cây công nghiệp và 10 ha lúa.

- Số công trình do UBND các xã quản lý khai thác có năng lực tưới 1.118 ha lúa và 854 ha rau màu và cây công nghiệp.

- Tổng chiều dài kênh mương được kiên cố hóa là 71,5km.

Hàng năm, xây dựng kế hoạch điều tiết nước tưới cho cây trồng theo từng vụ nhằm khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi. Đồng thời, chủ động các phương án bảo vệ hồ đập, ứng phó với thiên tai để giảm thiểu thiệt hại.

2.4. Lĩnh vực thủy sản

Năm 2020, diện tích nuôi trồng và khai thác thủy sản trên địa bàn toàn huyện là 3.829 ha, tăng 1,3% so với năm 2015; trong đó, diện tích nuôi trồng thủy sản là 27 ha. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 là 1.300 tấn; tăng 217,1% so với năm 2015. Trong đó, chủ yếu phát triển diện tích nuôi trồng thủy sản quy mô hộ gia đình

để nâng cao hiệu quả kinh tế và tận dụng diện tích mặt nước tự nhiên để khai thác, đánh bắt cung ứng nguồn thực phẩm tại chỗ cho người dân. Tạo điều kiện để các tổ chức kinh tế, hộ gia đình có điều kiện tiếp cận, khai thác mặt nước hồ, đập thủy lợi, thủy điện để nuôi các loài cá thông thường và đặc sản nước ngọt có giá trị kinh tế cao như: cá thát lát, cá lăng... Đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi để đáp ứng nhu cầu thị trường, giảm thiểu rủi ro. Ngoài các đối tượng chủ lực như cá rô phi đơn tính, cá chép lai, trắm cỏ, trôi, thát lát còn có các đối tượng nuôi truyền thống như cá trôi, mè và một số đối tượng nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao như cá lăng, cá diêu hồng.

2.5. Xây dựng nông thôn mới

Giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn huyện có 08 xã đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới[5]; nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn huyện lên 11/14 xã (78,57%); tăng 05 xã so với giai đoạn 2011-2015 và đạt 66,67% so với kế hoạch. Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đến năm 2020 là 17,29 tiêu chí tăng 3,79 tiêu chí so với năm 2015.

Đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 56,7 triệu đồng/người/năm (tăng 17 triệu/người/năm so với năm 2015 và đạt 104,23% so với kế hoạch). Theo kết quả điều tra, rà soát đến cuối năm 2020, tổng số hộ nghèo toàn huyện là 920 hộ, chiếm tỷ lệ 3,03% (giảm 4,57% so với năm 2015 và vượt 0,64% so với kế hoạch); tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3,54%/năm. Năm 2020, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch là 76% và dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh là 96,2% (vượt 1,2% so với kế hoạch). 70% hộ gia đình có công trình hố xí hợp vệ sinh; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý là 80%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 35%, tăng 10,7% so với năm 2015 và vượt 6,38% so với kế hoạch.

2.6. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, lâm sản và an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản

Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm đã được triển khai chủ động, tích cực. Qua đó góp phần nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân và các đơn vị sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản, vật tư nông nghiệp. Hàng năm, đoàn Kiểm tra liên ngành của huyện định kỳ tổ chức các đợt kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện; phát hiện các hành vi vi phạm và kịp thời chấn chỉnh, xử lý, hướng dẫn khắc phục, từng bước ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn, đảm bảo chất lượng của nguồn cung cấp vật tư cho sản xuất nông nghiệp.

Tính đến cuối năm 2020, trên địa bàn huyện có tổng số 97 cơ sở buôn bán, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, giống cây trồng), cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn huyện.

Trong giai đoạn 2016-2020, hàng năm, Đoàn Kiểm tra liên ngành do UBND

[5] các xã Ia Hlốp, Ia Pal, Dun đạt chuẩn năm 2016; xã Chư Pơng đạt chuẩn năm 2017; các xã Ia Tiêm và Bờ Ngoong đạt chuẩn năm 2018, xã Bar Măih đạt chuẩn năm 2019 và xã Kông Htok đạt chuẩn năm 2020.

huyện thành lập đều tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá 359 lượt các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện; xử lý vi phạm hành chính đối với 13 cơ sở với tổng số tiền phạt là 31.200.000 đồng.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, thông tin, truyền thông về chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản được thực hiện thường xuyên, liên tục. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện thống kê, ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm và kiểm tra việc thực hiện cam kết đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản nhỏ lẻ trên địa bàn theo quy định của Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu thẩm định, cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT.

Duy trì hoạt động của cơ sở giết mổ động vật tập trung tại thị trấn Chư Sê với công suất giết mổ khoảng 40 con lợn/ngày; bố trí cán bộ thú y thực hiện công tác kiểm soát giết mổ tại cơ sở tập trung, cung cấp sản phẩm thịt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

2.7. Công nghiệp chế biến

Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện còn ở quy mô nhỏ lẻ, sơ chế, chưa có các nhà máy chế biến sâu, chế biến tinh. Toàn huyện có khoảng 23 cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm có nguồn gốc từ động vật và hơn 120 cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật. Các sản phẩm sơ chế chủ yếu là lúa gạo, trái cây, thịt gia súc gia cầm... Đối các sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương như cà phê, hồ tiêu chưa có nhà máy chế biến tại chỗ. Sản phẩm sau thu hoạch của nông dân thường được thu gom bởi các cơ sở thu mua nông sản. Đối với các vùng nguyên liệu được hình thành từ liên kết sản xuất, nông sản sau thu hoạch do các doanh nghiệp thu gom và chế biến. Hiện nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng được các vùng trồng phục vụ cho công nghiệp chế biến theo các tiêu chuẩn VietGAP, UTZ, Organic với diện tích 1.925,6 ha cà phê và 43,35 ha hồ tiêu.

3. Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Kết quả thực hiện về cơ chế, chính sách

Trên cơ sở vận dụng các cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh ứng dụng CNC vào sản xuất nông nghiệp như: Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết 103/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về một số chính sách đặc thù về khuyến khích phát triển HTX Nông nghiệp; Nghị quyết số 107/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước… và các Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Các doanh nghiệp, Hợp tác xã và người dân trên địa bàn được tiếp cận và có điều kiện đầu tư cho sản xuất, tham

gia các chương trình, dự án liên kết phát triển sản xuất. Từ đó, góp phần nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

3.2. Về quy hoạch

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp của địa phương, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn phối hợp với các cơ quan, đơn vị ngành nông nghiệp tổ chức sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm, có hiệu quả, duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực; đồng thời, thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch trồng trọt gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn huyện trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng thị hiếu của thị trường.

Bên cạnh đó, huyện đã chủ động xây dựng đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bố trí quy hoạch các vùng sản xuất công nghệ cao trên địa bàn huyện với diện tích là 198 ha và xây dựng quy hoạch sản xuất nông nghiệp tại các vùng công nghệ cao đối với từng loại cây trồng, vật nuôi (tập trung chủ yếu phát triển cây ăn quả, cây dược liệu và xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến nông sản).

3.3. Gắn tái cơ cấu ngành với đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Công tác tuyên truyền, phát động phong trào thi đua thực hiện CTMTQG xây dựng Nông thôn mới được từng cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, ban, ngành và địa phương trong huyện triển khai sâu rộng đến nhân dân đã tạo được sự đồng thuận, quyết tâm cao, huy động mạnh mẽ sự đóng góp của người dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân nông thôn trong công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Phong trào thi đua "Chư Sê chung sức xây dựng nông thôn mới" đã có tác động đến nhận thức của các tầng lớp nhân dân, động viên tinh thần của toàn xã hội để triển khai thực hiện. Hệ thống thông tin tuyên truyền về nông thôn mới hoạt động phong phú, liên tục đã động viên rất tích cực, kịp thời đến phong trào xây dựng nông thôn mới. Từ đó tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, tạo tiền đề và nội lực vững chắc để xây dựng thành công Nông thôn mới mà đến nay bộ mặt nông thôn của huyện nhà được đổi mới, văn minh hơn, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao. Công tác xóa đói giảm nghèo bền vững, chính sách đền ơn đáp nghĩa được thực hiện tốt, giáo dục đào tạo phát triển toàn diện. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới ngày càng được nhân dân hưởng ứng tích cực, cảnh quan môi trường được sạch đẹp, trật tự xã hội được đảm bảo, quy chế dân chủ được phát huy, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

3.4. Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn

Trên cơ sở vận dụng, lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách, nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, nguồn vốn thực hiện đề án từ các chương trình, dự án và đề án đã được phê duyệt để huy động các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia hợp tác, liên kết xây dựng các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; huy động vốn từ các thành phần kinh tế theo phương châm xã hội

hóa vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư cho thâm canh, chuyển đổi mô hình kinh tế nông nghiệp - nông thôn. Trong đó, tập trung ưu tiên đầu tư cho các dự án: Phát triển giống cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy sản; các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, khu nông nghiệp công nghệ cao; hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung; công trình thủy lợi đa mục tiêu phục vụ tưới, tiêu, nuôi thủy sản, cung cấp nước cho dân sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; công trình thủy lợi đầu mối, thủy lợi gắn với giao thông nội đồng tạo điều kiện đưa cơ giới hóa vào sản xuất; dự án tưới nước tiết kiệm, tưới cây vùng đồi; ưu tiên vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa.

3.5. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công

Trong giai đoạn 2016-2020, huyện đã được đầu tư nhiều dự án bằng nguồn vốn đầu tư đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước; các dự án đầu tư cơ bản phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu như đường giao thông, trụ sở, trạm y tế, trường học, thủy lợi… được đầu tư đã đáp ứng cơ bản nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thúc đẩy nhanh công tác giảm nghèo; hoàn thiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới tại các xã; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

3.6. Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, cơ giới hóa và đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn

Các hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp được ưu tiên, chú trọng thực hiện. Hàng năm, trên cơ sở nguồn vốn khoa học công nghệ và lồng ghép từ các chương trình, nguồn vốn khác để triển khai các mô hình, dự án ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp và chuyển giao các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loài cây trồng vật nuôi mới, có giá trị, năng suất, chất lượng cao như: xây dựng mô hình cánh đồng lúa liên kết; Trồng ớt xuất khẩu và dâu tây kết hợp ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm; trồng rau an toàn trong nhà lưới kết hợp tưới nước tự động; chăn nuôi heo thịt sử dụng thức ăn ủ men vi sinh và đệm lót sinh học; chăn nuôi vịt trời kết hợp cá lóc thương phẩm...

Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện được tăng cường, đặc biệt trong các khâu làm đất (89,2%), gieo trồng (59,2%), chăm sóc (44,3%), thu hoạch (14,4%) với hơn 25.730 máy móc, động cơ các loại.

Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm có lợi thế của huyện theo hướng sản xuất chế biến an toàn theo chuỗi, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), sản xuất theo hướng hữu cơ.

Thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong giai đoạn 2016-2020 đã triển khai đào tạo được cho 469 lao động nông nghiệp là người đồng bào dân tộc thiểu số với kinh phí thực hiện là 1.374.000.000 đồng. Đa số học viên sau khi tốt nghiệp đã tự tạo việc làm, áp dụng kiến thức đã học vào sản xuất, chăn nuôi, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình.

3.7. Tăng cường xây dựng thương hiệu và quản lý chất lượng sản phẩm

nâng cao giá trị gia tăng

Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ sản xuất, kinh doanh tìm kiếm cơ hội tiêu thụ hàng hóa thông qua việc tham gia các hội chợ trưng bày, triển lãm, chợ phiên nông sản giới thiệu sản phẩm trong và ngoài huyện.

Hướng dẫn các chủ thể tham gia chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP; rà soát, xác định các sản phẩm hàng hóa có nguồn gốc từ địa phương, có tính độc đáo và dựa trên thế mạnh về sản phẩm sạch, an toàn để phát triển sản phẩm OCOP. Đến năm 2020, số lượng xã, thị trấn tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn huyện là 15/15 xã thị trấn và có 05 sản phẩm được công nhận hạng 3 sao.

3.8. Củng cố đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn

Số HTX hoạt động trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2020 là 19 HTX. Trong đó: số HTX tham gia thực hiện chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là 11 HTX, 01 HTX nông nghiệp sở hữu sản phẩm OCOP. Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp tác xã, tạo điều kiện cho các thành viên tham gia HTX và hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển của các hợp tác xã. Một số mô hình HTX hoạt động hiệu quả, giúp thành viên tổ chức sản xuất và cạnh tranh tốt hơn trong nền kinh tế thị trường. Nhìn chung, đa số các HTX hoạt động ổn định và hiệu quả. Nhiều HTX đã chủ động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư mở rộng quy mô, trang bị máy móc áp dụng khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm mới, doanh thu và thu nhập của thành viên.

- Các mô hình kinh tế trang trại, sản xuất trồng trọt, chăn nuôi tập trung ngày càng phát triển, áp dụng các quy trình công nghệ kỹ thuật tiên tiến, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh trong sản xuất, cung ứng nguồn hàng hóa chất lượng, ổn định cho công nghiệp chế biến.

3.9. Về phát triển dịch vụ nông nghiệp

- Hệ thống các Trạm Khuyến nông, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi –Thú y (nay là Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp) được quan tâm củng cố và phát triển, tham gia tích cực vào các hoạt động chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất, dự báo, dự tính tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và hướng dẫn chăm sóc, điều trị bệnh động vật, thực vật.

- Các cơ sở dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... ngày càng phát triển, đảm bảo cung ứng vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; có sự kiểm tra, quản lý chặt chẽ của các cơ quan chuyên môn, hạn chế tối đa tình trạng vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng.

3.10. Cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động QLNN; nghiên cứu sửa đổi hoàn thiện hệ thống chính sách

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013; Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch tại Quyết định số

68/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chú trọng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, áp dụng công nghệ mới và lựa chọn phát triển các cây, con chủ lực của địa phương; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại,...

- Bố trí hỗ trợ từ nguồn ngân sách của huyện để triển khai các chương trình, dự án khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

3.11. Việc thực hiện quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch.

Quản lý và triển khai có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp; công tác vận động người dân "dồn điền, đổi thửa", tích tụ ruộng đất để xây dựng cánh đồng lớn, các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến được chú trọng, hình thành được vùng trồng các loại cây chủ lực của địa phương như cà phê, hồ tiêu và cây ăn quả. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để người dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong nội bộ ngành nông nghiệp (từ đất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, trồng cỏ và cây thức ăn chăn nuôi...) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

4. Kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế mà Đoàn giám sát HĐND tỉnh đã nêu tại Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 08/7/2022.

Qua kết quả giám sát của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh. UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo[6] triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được Đoàn Giám sát HĐND tỉnh chỉ ra trong quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020; giao nhiệm vụ cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện. Kết quả cụ thể như sau:

- Trên cơ sở Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng NNN&PTNT rà soát các nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp sát với thực tiễn địa phương và theo kế hoạch chung của tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện Chư Sê giai đoạn 2021-2025. Trong đó, đưa ra các định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo các nhóm sản phẩm chủ lực của địa phương, cơ cấu lại sản xuất trong từng lĩnh vực và cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là phát triển các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện theo hướng thâm canh, quy mô lớn, tăng cường ứng dụng khoa học – công nghệ và gắn với chế biến.

- Đã phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp có liên quan trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tiếp cận đến các cơ chế, chính sách liên

---

[6] Văn bản số 1919/UBND-NL ngày 27/10/2022 về việc triển khai kế hoạch số 4359/KHBCĐLNCCLNN ngày 21/10/2022 của Ban Chỉ đạo liên ngành về cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh; Văn bản số 2172/UBND-NL ngày 28/11/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh.

quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

Uỷ ban MTTQ Việt Nam huyện đã đẩy mạnh tuyên truyền việc thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện gắn với xây dựng nông thôn mới[7]; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc hiệp thương với các tổ chức thành viên để vận động giúp nhân dân phát triển kinh tế, thoát nghèo; thực hiện tốt việc huy động sức dân để xây dựng cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn[8].

Chỉ đạo Phòng NN&PTNT phối hợp với UBMTTQ, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ huyện nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống và các ý kiến, kiến nghị của cán bộ, hội viên, nhân dân về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; kịp thời giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền trả lời, giải quyết những tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị của nhân dân.

- Chăn nuôi trên địa bàn huyện đang chuyển dịch tích cực từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại[9]. Để mật độ chăn nuôi đảm bảo phù hợp theo quy định, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện rà soát mật độ chăn nuôi trên địa bàn huyện. Sau khi triển khai rà soát, mật độ chăn nuôi trên địa bàn huyện đến tháng 3/2023 là 0,72 ĐVN/ha. Đối chiếu với Quyết định 05/2022/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh Quy định mật độ chăn nuôi giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai thì mật độ chăn nuôi trên địa bàn huyện tính đến thời điểm hiện tại vẫn đảm bảo theo quy định *(chưa vượt quá mật độ quy định là 1,2 ĐVN/ha)*. Qua xác định vùng ảnh hưởng của các dự án chăn nuôi đang hoạt động, các dự án chăn nuôi đang hoạt động trên địa bàn huyện cơ bản đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, phê duyệt kế hoạch Bảo vệ môi trường; các dự án chăn nuôi đảm bảo các yêu cầu về Bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số điều của Luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Nhằm đảm bảo việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông lâm nghiệp, góp phần kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường, UBND huyện đã chỉ đạo triển khai các quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu[10], triển khai tăng cường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với

---

[7] Quán triệt Thông tri số 10/TTr-MTTW-BTT ngày 08/7/2016 của Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số về 10 nội dung thay đổi "Nếp nghĩ" và 10 nội dung thay đổi "Cách làm"; tuyên truyền cuộc vận động thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 23/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Gia Lai về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ các cấp về Cuộc vận động "Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững".

[8] Năm 2021 và 2022, UBMTTQ Việt Nam huyện đã thực hiện mô hình đàn dê sinh kế thoát nghèo, tổ chức cấp phát 09 đàn dê sinh sản cho 09 hộ nghèo tại xã H Bông và Ia Ko với tổng kinh phí là 108 triệu đồng. Đồng thời, hỗ trợ sinh kế 03 đàn dê (mỗi đàn trị giá 12 triệu đồng) cho 03 hộ gia đình tại xã Ia Ko từ nguồn Quỹ Vì người nghèo của huyện.

[9] Hiện nay, trên địa bàn huyện có 107 trang trại chăn nuôi, bao gồm: 5 trang trại quy mô lớn, 69 trang trại quy mô vừa và 33 trang trại quy mô nhỏ.

[10] Văn bản số 784/UBND-NL ngày 11/5/2022 về việc tổ chức thực hiện các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

các dự án/cơ sở chăn nuôi trên địa bàn huyện[11].

- Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Chư Sê đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 và căn cứ theo các quy định của Luật, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch sử dụng đất và được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định 473/QĐ-UBND ngày 22/7/2022. Việc thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo phù hợp kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; không có tình trạng tích tụ đất không đúng quy định, vượt hạn mức.

- Song song với việc triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhằm đẩy mạnh khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư các dự án nông nghiệp vào địa bàn huyện; UBND huyện cũng đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát toàn bộ các dự án nông nghiệp đã có chủ trương đầu tư trên địa bàn huyện nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tham mưu UBND huyện báo cáo, đề xuất UBND tỉnh có hướng xử lý để tránh tình trạng đất bỏ hoang, lãng phí. Đến nay, trên địa bàn huyện đã có 06 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư (04 dự án chăn nuôi, 01 dự án nhà máy sản xuất phân vi sinh và thức ăn chăn nuôi, 01 dự án trồng trọt) và 01 dự án đang xin ý kiến chấp thuận chủ trương đầu tư. Trong đó, có 02 dự án đã đi vào hoạt động, các dự án còn lại do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên có sự ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, các nhà đầu tư xin được gia hạn thời gian thực hiện dự án. Đối với các dự án đã đi vào hoạt động đều không ảnh hưởng đến quy hoạch xây dựng cấp xã, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; góp phần giải quyết việc làm cho 54 lao động tại chỗ với mức thu nhập từ 5-10 triệu đồng/người/tháng; doanh nghiệp thực hiện đảm bảo các nghĩa vụ tài chính đối với địa phương, đóng góp vào thu ngân sách và phát triển kinh tế - xã hội của xã, huyện.

- Để triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nông nghiệp huyện Chư Sê giai đoạn 2021-2025, UBND huyện tiếp tục áp dụng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được ban hành và áp dụng triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh[12]. Tiếp tục duy trì các liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã được xây dựng; khuyến khích, vận động xây dựng các liên kết sản xuất mới[13].

Đồng thời, UBND huyện cũng đã bố trí ngân sách và tăng cường huy động các nguồn lực khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia để

---

[11] Văn bản số 80/VP-NL ngày 02/3/2023 về việc tăng cường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án chăn nuôi trên địa bàn huyện.

[12] Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách, biện pháp nhằm đảm bảo thi hành Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai,…

[13] Trong vụ Đông Xuân 2021-2022 và 2022-2023 đã vận động xây dựng được liên kết sản xuất ngô sinh khối tại xã Bờ Ngoong quy mô 24,1 ha với sự tham gia của 136 hộ dân là người đồng bào dân tộc thiểu số.

đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, mở rộng quy mô phát triển sản xuất, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân, đặc biệt là phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[14].

- Nhằm tiếp tục khuyến khích phát triển kinh tế HTX, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ các hợp tác xã trong việc triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, Tỉnh theo đúng quy định. Đồng thời triển khai các chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế tập thể theo đúng Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới và tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Để phát huy hiệu quả kinh tế HTX, UBND huyện đã tăng cường công tác quản lý nhà nước, tổ chức rà soát, đánh giá hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện. Qua rà soát, đánh giá 27 HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện, đến nay đã có 02 HTX đã giải thể, 01 HTX đang làm thủ tục giải thể, 12 HTX không hoạt động hoặc tạm ngưng hoạt động, 01 HTX mới thành lập và 11 HTX đang hoạt động *(trong đó: 01 HTX xếp loại khá, 06 HTX xếp loại trung bình và 04 HTX xếp loại yếu[15])*. Đối với các HTX không hoạt động nhưng chưa tiến hành làm thủ tục giải thể, UBND huyện cũng đã chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức mời họp, cũng như liên hệ trực tiếp hướng dẫn HTX thủ tục pháp lý có liên quan đến giải thể tự nguyện theo Khoản 1, Điều 54 Luật HTX năm 2012. Tuy nhiên, phần lớn các Hợp tác xã đều không hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước để triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển, trong tháng 3/2023, UBDN huyện đã có văn bản cam kết về giải phóng mặt bằng, bố trí mặt bằng cho hạng mục xây dựng đường giao thông thuộc Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ HTX phát triển vùng nguyên liệu; tạo điều kiện cho Hợp tác xã SXKD dịch vụ nông nghiệp Ia Ring thực hiện xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng khu sản xuất được dự án đầu tư có chiều dài 4,250km đi qua đất sản xuất của các hộ dân và đất sản xuất của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê. UBND huyện cũng đã mời đại diện các HTX có tiềm năng trên địa bàn huyện tham gia buổi làm việc kết nối kinh doanh giữa tập đoàn De Heus và các HTX cung ứng ngô tổ chức bởi Agriterra và tập đoàn De Heus nhằm chia sẻ về lộ trình và kế hoạch thu mua và phát triển nguyên liệu ngô của tập đoàn De Heus ở Tây Nguyên, trao đổi và tìm hiểu thực trạng nhằm đánh giá tiềm năng kết nối kinh doanh giữa tập đoàn De Heus và các HTX cung ứng ngô.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN:

---

[14] Trong năm 2022 đã thực hiện đầu tư 3.847 triệu đồng để thực hiện Chương trình Kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương; đầu tư 10.836 triệu đồng để thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; giải ngân 1.479 triệu đồng để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bố trí 3.119 triệu đồng để thực hiện chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2022.

[15] Kết quả xếp loại, đánh giá theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã.

1. Tồn tại, hạn chế:

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020

Việc tổ chức triển khai chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp của các xã, thị trấn mới được thực hiện thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến cùng với việc lồng ghép các chủ trương, chính sách liên quan mà chưa được cụ thể hóa bằng việc ban hành Đề án, hoặc kế hoạch, văn bản cụ thể. Từ đó chưa xác định cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và sản phẩm lợi thế của địa phương. Việc sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, yếu tố thời tiết nên chưa thực sự triển khai tốt công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu.

1.2. Công tác thông tin, tuyên truyền về kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về cơ chế chính sách về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến hộ nông dân, Hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp trên địa bàn huyện chưa được sâu rộng[16].

1.3. Về tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện:

a. Lĩnh vực trồng trọt

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng chưa rõ nét; việc chuyển đổi cây trồng vùng hạn ở một số địa phương triển khai chưa hiệu quả, chưa đạt Nghị quyết đề ra, thiệt hại do khô hạn còn xảy ra; giá trị sản xuất trên một số loại cây trồng còn thấp; giá cả không ổn định, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của người dân và định hướng phát triển của ngành. công tác vận động người dân "dồn điền, đổi thửa", tích tụ ruộng đất để xây dựng cánh đồng lớn chưa hiệu quả, mới chỉ dừng lại ở vùng trồng sẵn có để tiếp tục đầu tư, phát triển ngành.

- Diễn biến thị trường tiêu thụ khó lường, tình trạng nông sản bị tồn đọng, tiêu thụ bị chậm, giá giảm, ảnh hưởng đến sản xuất, thu nhập và đời sống của người dân do đó gây tâm lý e ngại trong đầu tư.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

Một số dự án phát triển chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao đã được phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng đến nay chưa đi vào hoạt động[17]. Dịch bệnh trên đàn vật nuôi vẫn còn xảy ra[18].

c. Lĩnh vực lâm nghiệp

Công tác trình trồng rừng tập trung theo Nghị định số 75/2015/ND-CP và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ còn hạn chế. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 chỉ tăng 3,4% so với năm 2015.

d. Lĩnh vực thủy lợi

Các công trình thủy lợi được quan tâm đầu tư, tuy nhiên năng lực tưới chưa

---

[16] Qua tổng hợp, đến năm 2020, trên địa bàn huyện chỉ có 19 HTX, chưa thu hút được các doanh nghiệp bên ngoài đến đầu tư, phát triển tại huyện.

[17] Dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao với quy mô 300 bò thịt, Dự án trang trại chăn nuôi heo CNC của Công ty TNHH MTV Phúc Huy Gia Lai với quy mô 12.000 heo thịt/lứa;..

[18] Dịch tả lợn Châu Phi, tiêu hủy 412, con lợn với trọng lượng 16.609 kg.

đáp ứng hết nhu cầu sản xuất của người dân, vẫn còn xảy ra tình trạng tranh chấp nguồn nước và thiệt hại trên cây trồng do nguồn nước tưới không đảm bảo.

e. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, lâm sản và an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản: Được quan tâm tăng cường công tác quản lý, tuy nhiên tình trạng các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện vi phạm quy định vẫn còn xảy ra[19]. Mặt khác qua các đợt TXCT, vẫn còn ghi nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri về cây giống, con giống và các loại thuốc BVTV, phân bón không đảm bảo chất lượng.

f. Công nghiệp chế biến: Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện còn ở quy mô nhỏ lẻ, sơ chế, chưa có các nhà máy chế biến sâu, chế biến tinh[20]. Đối các sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương như cà phê, hồ tiêu chưa có nhà máy chế biến tại chỗ. Sản phẩm sau thu hoạch của nông dân mới chỉ sơ chế và xuất bán nguyên liệu thô sau thu hoạch nên giá trị sản phẩm không cao.

1.4. Về kết quả thực hiện về cơ chế, chính sách:

- Đã được UBND huyện quan tâm, bố trí ngân sách để thực hiện các mô hình cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm tình hình của huyện. Tuy nhiên, một số dự án nghiên cứu ứng dụng trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ở huyện còn mang nặng tính trình diễn, sau khi hoàn thành việc chuyển giao, nhân rộng không đáng kể. Người dân vẫn đang loay hoay với việc lựa chọn cây giống, con giống trong đầu tư phát triển sản xuất và việc lựa chọn cây giống, con giống mang tính chất tự phát theo giá thành sản phẩm.

- Về quy hoạch: Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, hiện nay huyện Chư Sê chưa được xây dựng, lập quy hoạch về nông nghiệp từ đó có định hướng phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn huyện Chư Sê gặp nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện, chưa có các quy định cụ thể về: Việc đề nghị các hộ chăn nuôi yến di dời khó thực hiện; khó khăn trong việc xử lý các trường hợp chăn nuôi yến xây dựng trái phép.

- Số HTX hoạt động trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2020 còn ít[21] và mang tính chất duy trì, chưa được phát triển mạnh, kinh tế hộ gia đình nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ lệ lớn trên địa bàn huyện. Các mô hình kinh tế trang trại, sản xuất trồng trọt, chăn nuôi tập trung tuy có phát triển nhưng còn manh mún, nhỏ lẻ. Sản phẩm OCOP ít, đến năm 2020 mới được 05 sản phẩm được công nhận hạng 3 sao và mới tập trung tại thị trấn Chư Sê, xã Ia Blang.

- Việc chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ chưa được các địa phương quan tâm, cụ thể trong năm 2020, UBND huyện triển khai nhưng không có

---

[19] Phát hiện, xử lý vi phạm hành chính đối với 13 cơ sở với tổng số tiền phạt là 31.200.000 đồng.

[20] Toàn huyện có khoảng 23 cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm có nguồn gốc từ động vật và hơn 120 cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

[21] 19 HTX tham gia thực hiện chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sở hữu sản phẩm OCOP.

địa phương nào đăng ký tham gia.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

2.1. Nguyên nhân khách quan:

- Biến đổi khí hậu đến nhanh và mạnh hơn so với dự báo, thiên tai ngày càng khắc nghiệt, mức độ ảnh hưởng lớn, gây thiệt hại nặng nề cho nông nghiệp và cả nước, tác động mạnh đến quá trình thực hiện cơ cấu lại và tăng trưởng của ngành nông nghiệp chung của huyện.

- Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, môi trường cạnh tranh gay gắt, nhiều quốc gia tăng mạnh hỗ trợ ngân sách và hàng rào kỹ thuật bảo vệ sản xuất trong nước. Thị trường thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng mạnh đến giá thành nông sản.

- Quy mô kinh tế nông hộ còn nhỏ, hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, HTX chưa mạnh, chưa phát huy được hiệu quả, còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Đầu tư từ ngân sách Nhà nước và các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng ĐBDTTS.

2.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Vai trò của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng ở một số địa phương trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn hạn chế; còn buông lỏng và trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo của cấp trên.

- Một số chính sách không thực hiện được hoặc khó áp dụng trong thực tiễn như Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, người dân về nội dung chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn hạn chế, chưa đầy đủ, chưa theo kịp thực tiễn nên vận dụng còn lúng túng. Nhiều địa phương triển khai đề án tái cơ cấu nông nghiệp còn chậm, chưa quyết liệt, chủ yếu lồng ghép tuyên truyền cùng các chương trình khác mà chưa tập trung quyết liệt đi vào chiều sâu.

- Chi phí đầu tư ngành nông nghiệp lớn trong khi đó giá thành sản phẩm nông nghiệp bấp bênh nên các hộ dân, HTX còn tâm lý ngại đầu tư.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với cấp tỉnh:

- Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai phù hợp như quy định cụ thể việc hỗ trợ di dời các hộ chăn nuôi yến trong khu vực nội thành. Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn cụ thể biện pháp xử lý với các trường hợp nhà yến xây dựng và hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi, nhà yến cách khu dân cư dưới 300m sau khi Nghị định 13/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

- Đề nghị với HĐND tỉnh có chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình ứng dụng

công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và chế biến; hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương nội đồng phục vụ nhu cầu tưới cho cây trồng cạn, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ kinh phí đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy nông tưới tiêu cho cây lúa nước và các cây công nghiệp gồm: kiên cố hóa đầu mối, tuyến kênh chính, kênh nội đồng và các công trình trên kênh.

2. Đối với cấp huyện:

Đề nghị UBND huyện quan tâm chỉ đạo các ngành và địa phương triển khai một số nội dung sau:

2.1. Phòng Nông nghiệp & PTNT:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và các địa phương rà soát nhu cầu đào tạo, tập huấn về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và kinh doanh phân bón, thuốc BVTV, vật tư nông nghiệp cho các chủ cơ sở để nắm rõ những quy định pháp luật của Nhà nước để đề xuất đơn vị có chức năng mở các lớp tập huấn, đào tạo.

- Phối hợp với phòng Tài nguyên và MT, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn khảo sát, đề xuất lập quy hoạch ngành nông nghiệp của huyện để từ đó có định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng tập trung, hiện đại và mang lại hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với các địa phương khảo sát, rà soát nhu cầu đầu tư kênh mương nội đồng để phục vụ nhu cầu tưới cho cây trồng cạn, từ đó nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Tăng cường, chủ động phối hợp với các địa phương triển khai việc xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm chủ lực của huyện. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn để đánh giá cây trồng chủ lực của từng địa phương từ đó có định hướng và cũng như khuyến cáo nhân dân tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực mang lại hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục chủ động tiếp cận, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của HTX để kịp thời giải quyết hoặc đề xuất hỗ trợ giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các HTX; chủ động tham mưu UBND huyện thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với HTX và làm cầu nối để các hợp tác xã có cơ hội liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lồng ghép với các phong trào, các cuộc vận động để tạo sức lan tỏa đến các tầng lớp Nhân dân.

2.2. Phòng Tài nguyên và MT:

Phối hợp với phòng Nông nghiệp&PTNT trong việc xây dựng quy hoạch ngành nông nghiệp cũng như định hướng phát triển các cây trồng chủ lực theo từng địa phương, từng vùng.

2.3. Phòng Tài chính – KH: Phối hợp với phòng NN&PTNT tham mưu UBND huyện bố trí nguồn kinh phí phục vụ cho công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2.4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Cụ thể hóa công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu bằng các chỉ tiêu, văn bản cụ thể từ đó xây dựng kế hoạch hành động thực hiện hiệu quả đối với công tác này phù hợp với thực tiễn của từng địa phương.

- Chủ động, phối hợp với các ngành chuyên môn của huyện để được hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Xác định cây trồng chủ lực của địa phương từ đó phối hợp với các ngành chuyên môn của huyện để đẩy mạnh thu hút đầu tư, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại các địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016 – 2020. Đoàn giám sát HĐND huyện báo cáo HĐND huyện – Kỳ họp thứ Mười Hai xem xét./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện khóa X;
- Thành phần Đoàn Giám sát;
- Phòng Nội vụ, TC-KH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu:VT, HĐ.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Kpui H'Blê